

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/02/2024.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Viên**

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**

Ông Lưu Văn Có

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1166/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2024, số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H** - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn L, xã V, T, tỉnh Khánh Hòa

Vắng mặt.

Bi đơn: Ông **Phạm Xuân T** - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn L, xã V, T, tỉnh Khánh Hòa

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn – Bà **Lê Thị H1** bày:* Bà **H2** ông **Phạm Xuân T1** nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V Năm 2013. Trong quá trình chung sống, ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà **H3** cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T

- Về con chung: Bà H2 ông T có 02 con chung là Phạm Xsinh ngày 22/8/2013 và Phạm Lê H4 T1sinh ngày 07/3/2018. Ly hôn, bà H5 nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Lê H4 T1giao ông Phạm Xuân T2 tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm X ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Phạm Xuân T3 bày: Ông T4 nhận, ông và bà Lê Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V Năm 2013 như bà H6 trình bày. Trong quá trình chung sống, ông bà có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng chưa đến mức trầm trọng, ông T5 còn thương yêu vợ con nên nay bà H3 cầu ly hôn, ông không đồng ý.

- Về con chung: Ông T và bà H7 02 con chung là Phạm X1 ngày 22/8/2013 và Phạm Lê H4 T1sinh ngày 07/3/2018. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà H8 hôn, ông T6 ý để bà H9 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Lê H4 T1ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm X2 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phạm Xuân T; giao con chung Phạm Lê H4 T1sinh ngày 07/3/2018 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Phạm X3, sinh ngày 22/8/2013 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết; các đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật:

Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phạm Xuân T nên tranh chấp giữa bà H và ông T là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của bị đơn ông Phạm Xuân T tại thôn L, xã V, T, tỉnh Khánh Hòa; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của nhân dân thành phố N.

[1.3]. Về sự có mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa, bà **Lê Thị H10** đơn xin xét xử vắng mặt; ông **Phạm Xuân T7** mặt không có lý do; căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà **H11 T**

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H xác định, bà và ông Phạm Xuân T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được **Ủy ban nhân dân xã V**, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2013 ngày 04/02/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà H cho rằng, quá trình chung sống với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà H đã cho ông T cơ hội để sửa sai nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, bà H không thể tiếp tục chung sống với ông **T8** Ông T không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn giữa ông bà không quá nghiêm trọng. Tuy nhiên, ông T cũng thừa nhận giữa ông bà có xảy ra mâu thuẫn. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận để bà H được ly hôn ông **T8**

[3]. Về con chung: Bà Lê Thị H, ông Phạm Xuân T có hai con chung là **Phạm X1** ngày 22/8/2013 và **Phạm Lê H4** T1 sinh ngày 07/3/2018. Ông T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Hông T9** nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Phạm X3**, giao con chung **Phạm Lê H4** T1 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành. Yêu cầu của ông T phù hợp với nguyện vọng của bà **H2** các cháu XT1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, ông T Bà **Hông T10** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H, ông Phạm Xuân T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn ông **Phạm Xuân T11**

2. Về con chung: Giao con chung **Phạm Lê H4** T1sinh ngày 07/3/2018 cho bà Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; giao con chung Phạm Xsinh ngày 22/8/2013 cho ông Phạm Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà **Lê Thị H12** Phạm Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000442 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND T. Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- UBND X. Vĩnh Lương, TP. Nha Trang,
- T. Khánh Hòa (số 11/2013, ngày 04/02/2013);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Viên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**